

GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC TẠI VIỆT NAM: HOÀN THIỆN HÀNH LANG PHÁP LÝ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRONG BỐI CẢNH MỚI

PHẠM NGỌC BÁCH
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 20/8/2026. Sửa chữa xong 20/9/2026. Duyệt đăng 30/9/2026.

Abstract

Physical education (PE) and school sports play a central role in Vietnam's strategy to promote the comprehensive development of young people's stature, physical fitness, and determination. This study examines the current state of PE and school sports in relation to the governing legal framework, the overarching strategic directions set out in Decision No. 1189/QĐ-TTg, and the challenges of resource and infrastructure planning. Drawing on legal analysis, public policy synthesis, and systems research, the study identifies the achievements of the existing legal framework and major bottlenecks. Based on these findings, it proposes innovative, targeted measures to mobilize resources for school sports infrastructure in a changing context.

Keywords: Improvement, legal framework, physical education, school sports, social resource mobilization for sports.

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống giáo dục quốc dân của mọi quốc gia trên thế giới, giáo dục thể chất (GDTC) và thể thao trường học (TTTH) luôn được định vị là một trong những trụ cột cốt lõi nhằm hiện thực hóa mục tiêu giáo dục toàn diện con người về cả Đức, Trí, Thể, Mỹ. Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta nhất quán quan điểm coi con người là trung tâm của chiến lược phát triển, trong đó việc nâng cao tầm vóc, thể lực và sức khỏe của thế hệ trẻ là nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nền tảng thể lực và ý chí của học sinh, sinh viên không chỉ là tài sản cá nhân mà còn là thước đo năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 (Quốc hội, 2025) tiếp tục khẳng định yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đại học, phát triển toàn diện người học về phẩm chất, năng lực và trách nhiệm đối với xã hội. Do đó, phát triển GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường không đơn thuần là nhiệm vụ chuyên môn của ngành Giáo dục mà là một chiến lược mang tính sống còn đối với sự phát triển bền vững của nguồn nhân lực nước nhà.

Xét dưới góc độ quản lý vĩ mô, GDTC và TTTH là một lĩnh vực chịu sự giao thoa sâu sắc giữa hai hệ thống quản lý nhà nước: Ngành Giáo dục & Đào tạo và ngành Văn hóa, Thể thao & Du lịch. Để vận hành hiệu quả mối quan hệ phức tạp này, việc xây dựng và hoàn thiện một hệ thống công cụ quản lý đồng bộ bao gồm: Hành lang pháp lý, định hướng mục tiêu và phương thức phân bổ nguồn lực là điều kiện tiên quyết. Trong những năm qua, hệ thống văn bản pháp quy từ Luật Thể dục, thể thao, Luật Giáo dục đến các văn bản dưới luật như Nghị định số 11/2015/NĐ-CP đã tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng để định hình vị thế của môn học GDTC chính khóa và phong trào thể thao ngoại khóa. Đặc biệt, bước sang giai đoạn mới, việc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 đã mở ra một tầm nhìn mới, đòi hỏi sự thay đổi căn bản về chất lượng, phương pháp tiếp cận và mô hình quản trị thể

Email: phamngocbachhlu@gmail.com

thao học đường. Mặc dù hệ thống chính sách và văn bản điều chỉnh đã tương đối định hình, song thực tiễn triển khai GDTC và TTTH tại Việt Nam hiện nay đang đối mặt với những nghịch lý và thách thức gay gắt. Những khoảng cách giữa quy định pháp lý, mục tiêu chiến lược và thực tiễn triển khai đặt ra yêu cầu cấp thiết cần phải có các nghiên cứu đánh giá một cách khách quan và khoa học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hành lang pháp lý điều chỉnh giáo dục thể chất và thể thao trường học

Để phân tích bản chất pháp lý của GDTC và TTTH tại Việt Nam cần đặt hoạt động này trong một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đa tầng. Trong đó, Luật Giáo dục (2019) và Luật Thể dục, thể thao (2006, sửa đổi bổ sung 2018) đóng vai trò là khung luật khung, còn Nghị định số 11/2015/NĐ-CP đóng vai trò là văn bản quy định chi tiết, vận hành hóa các nguyên tắc của luật vào đời sống học đường. Sự phối hợp giữa ba văn bản này tạo nên thể kiềng ba chân vững chắc, vừa bảo đảm tính bắt buộc của giáo dục quốc dân, vừa thúc đẩy quyền tiếp cận vận động của thể hệ trẻ.

2.1.1. Sự kế thừa và cụ thể hóa nguyên tắc cấu trúc môn học

Xét về mặt hệ thống, Điều 41 của Luật Thể dục, thể thao (sửa đổi 2018) khẳng định: “Giáo dục thể chất là môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục từ mầm non đến đại học” (Quốc hội, 2018), nguyên tắc này tương thích hoàn toàn với mục tiêu giáo dục toàn diện được quy định tại Điều 2 Luật Giáo dục 2019 (Quốc hội, 2019). Tuy nhiên, để các nguyên tắc này đi vào thực tiễn, Nghị định số 11/2015/NĐ-CP (Chính phủ, 2015) đã cụ thể hóa bằng cách phân định rõ ràng hai cấu phần có tính chất và mục tiêu khác nhau:

Giáo dục thể chất chính khóa: Được thiết kế là nội dung bắt buộc, có chương trình, sách giáo khoa/ giáo trình thống nhất, có kiểm tra, đánh giá theo quy chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hoạt động thể thao ngoại khóa: Được tổ chức trên nguyên tắc tự nguyện, đa dạng hóa theo sở thích và năng khiếu của người học dưới hình thức các câu lạc bộ (CLB) thể thao, các giải thi đấu Hội khỏe phù đồng.

Sự phân tách này mang tính khoa học cao, giúp các cơ sở giáo dục vừa hoàn thành nghĩa vụ phổ cập giáo dục của Nhà nước, vừa tạo không gian mềm dẻo để phát triển năng khiếu cá nhân cho học sinh.

2.1.2. Cơ chế bảo đảm quyền lợi người học và chế độ chính sách đối với nhà giáo

Một trong những điểm phối hợp chặt chẽ nhất giữa Luật Giáo dục và Nghị định 11/2015/NĐ-CP là việc thiết lập hành lang bảo vệ và khuyến khích đội ngũ nhân lực chuyên trách. Trách nhiệm của nhà giáo quy định tại Chương IV Luật Giáo dục 2019 đã được cụ thể hóa bằng các chế độ đặc thù cho giáo viên, giảng viên TDTT tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định 11/2015/NĐ-CP. Theo đó, do đặc thù lao động ngoài trời và nguy cơ chấn thương cao, người dạy được hưởng: - Chế độ phụ cấp đặc thù nghề nghiệp (phụ cấp trang phục, phụ cấp độc hại, phụ cấp giờ dạy thực hành ngoài trời); - Định biên bắt buộc về số lượng giáo viên TDTT tính trên đầu học sinh/lớp học nhằm giảm tải áp lực sư phạm (Chính phủ, 2015); - Đối với người học, sự kết hợp giữa Luật Trẻ em, Luật Giáo dục và Nghị định 11/2015/NĐ-CP bảo đảm cơ sở vật chất sân bãi, trang thiết bị tối thiểu phải được cung cấp miễn phí trong các tiết học chính khóa, hướng tới sự công bằng trong tiếp cận phúc lợi thể thao.

2.1.3. Những khoảng trống pháp lý và điểm nghẽn trong sự phối hợp vĩ mô

Dù đã tạo ra một hành lang pháp lý tương đối toàn diện, việc soi chiếu mối tương quan giữa Nghị định 11/2015/NĐ-CP (ban hành năm 2015) với các bộ Luật mới sửa đổi sau này (Luật Thể dục, thể thao 2018, Luật Giáo dục 2019) đang bộc lộ những “khoảng trống” và sự bất cập mang tính thời điểm:

Sự bất tương thích với Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018: Chương trình GDPT mới chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực, cho phép học sinh tự chọn môn thể thao yêu thích (Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông...) ngay từ bậc THPT. Trong khi đó, Nghị định 11/2015/NĐ-CP vẫn mang nặng tư duy quản lý cũ, chưa có các quy định hướng dẫn chi tiết về việc công nhận kết quả tập luyện tại các CLB bên ngoài hoặc quy chuẩn hóa danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo mô hình tự chọn này.

Điểm nghẽn trong cơ chế phối hợp liên ngành: GDTC nằm ở ranh giới giữa Bộ GD&ĐT (quản lý học đường) và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (quản lý chuyên môn thể thao). Luật Thể dục, thể thao 2018

đã nâng cao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc quy hoạch đất thể thao nhưng Nghị định 11/2015/NĐ-CP lại thiếu chế tài xử phạt hoặc quy định trách nhiệm pháp lý cụ thể khi các địa phương không bàn giao đủ quỹ đất sân bãi cho trường học theo chuẩn.

Rào cản về cơ chế xã hội hóa: Trong khi cả Luật Thể dục, thể thao 2018 và Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư 2020 đều khuyến khích tư nhân đầu tư vào hạ tầng công, thì Nghị định 11/2015/NĐ-CP chưa có quy định mở đường cho việc nhà trường liên doanh, liên kết cho thuê sân bãi ngoài giờ để lấy kinh phí tái đầu tư, dẫn đến tình trạng hạ tầng thể thao trường học đóng cửa lãng phí vào cuối tuần do sợ sai phạm nguyên tắc quản lý tài sản công.

Như vậy, sự phối hợp giữa Nghị định 11/2015/NĐ-CP và các bộ Luật hiện hành đã hoàn thành tốt vai trò lịch sử trong việc định khung và giữ vững sự ổn định của môn học GDTC. Song trước yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, việc sửa đổi, nâng cấp Nghị định này để khóa lấp các khoảng trống pháp lý, đồng bộ hóa với hệ thống luật mới là một đòi hỏi khách quan và cấp bách.

2.2. Định hướng từ Chiến lược phát triển thể dục thể thao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Nếu hệ thống Luật và Nghị định đóng vai trò “định khung” nghĩa vụ pháp lý thì các chiến lược quốc gia chính là công cụ điều hành linh hoạt nhằm giải quyết các bài toán nảy sinh từ thực tiễn. Quyết định số 1189/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành đã đánh dấu một bước chuyển tư duy mang tính đột phá (Thủ tướng Chính phủ, 2024). Bằng cách thiết lập các mục tiêu định lượng đầy tham vọng (ví dụ: phấn đấu trên 90% học sinh, sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể vào năm 2030 và nâng lên 95% vào năm 2045), chiến lược này đồng thời đưa ra các cơ chế mở nhằm tháo gỡ trực tiếp ba điểm nghẽn pháp lý lớn.

2.2.1. Cá thể hóa chương trình và hóa giải sự bất tương thích với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Điểm nghẽn về việc môn học GDTC chính khóa bị bó hẹp trong các giáo trình cố định, thiếu tính tương thích với định hướng phát triển năng lực của Chương trình GDPT 2018 đã được Quyết định 1189/QĐ-TTg hóa giải bằng tư duy “cá thể hóa hoạt động thể thao ngoại khóa”. Chiến lược định hướng dịch chuyển mạnh mẽ từ mô hình đồng loạt sang mô hình phát triển các CLB TTTH dựa trên sở thích, tâm sinh lý và lứa tuổi. Đặc biệt, việc ưu tiên lồng ghép phổ cập môn Bơi (phòng chống đuối nước) và võ cổ truyền không chỉ giải quyết bài toán kỹ năng sinh tồn mà còn luật hóa trách nhiệm tổ chức của nhà trường. Cơ chế này cho phép các trường chủ động cấu trúc lại khung thời gian ngoại khóa, biến các buổi tập CLB tự chọn thành một phần kết quả bổ trợ được công nhận cho môn học chính khóa, tạo nên sự liên thông uyển chuyển giữa học tập và rèn luyện tự nguyện.

2.2.2. Thúc đẩy liên kết liên ngành và cơ chế quản lý dữ liệu số hóa

Để xóa bỏ rào cản chia cắt quản lý giữa Bộ GD&ĐT và Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch, Chiến lược đề ra giải pháp cốt lõi: “Đẩy mạnh liên kết giữa nhà trường với các cơ sở thể thao trong hoạt động GDTC”, sự liên kết này không dừng lại ở văn bản hành chính mà được cụ thể hóa bằng hai hành động mang tính kỹ thuật:

Chuyển đổi số toàn diện: Việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành thể thao cho phép hai Bộ xây dựng và đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu quốc gia về thể trạng học sinh, sinh viên. Các chỉ số thể lực, tầm vóc sẽ được rà soát liên tục nhằm đưa ra các can thiệp y học và thể thao kịp thời.

Mô hình phát hiện tài năng liên thông: Trường học không còn là một ốc đảo độc lập mà trở thành “vệ tinh đầu vào”. Các giải đấu liên trường, liên cấp được đổi mới để các chuyên gia, huấn luyện viên chuyên nghiệp trực tiếp sàng lọc, tuyển chọn năng khiếu học đường vào hệ thống thể thao thành tích cao quốc gia. Điều này giải quyết dứt điểm tình trạng lãng phí tài năng trẻ do thiếu kênh kết nối pháp lý giữa trường học và các trung tâm huấn luyện.

2.2.3. Mở đường cho kinh tế thể thao học đường và đa dạng hóa nguồn vốn

Điểm nghẽn lớn nhất liên quan đến việc các trường e ngại vi phạm nguyên tắc quản lý tài sản công khi liên kết đầu tư hạ tầng đã tìm thấy lối thoát trong định hướng phát triển kinh tế thể thao của Chiến

lược. Quyết định số 1189/QĐ-TTg quy định rõ việc mở rộng thị trường thể thao, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA và viện trợ ngoài nước.

Về mặt giải pháp, Chiến lược đặt ra yêu cầu rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật thúc đẩy kinh tế thể thao gắn với các mô hình tài trợ, khai thác và dịch vụ. Đây là cơ sở chính trị - pháp lý tối cao để Bộ GD&ĐT ban hành các Kế hoạch triển khai ngành, tạo hành lang an toàn cho các hiệu trưởng ký kết hợp đồng hợp tác công - tư (PPP). Tư nhân có thể đầu tư xây dựng bể bơi, sân cỏ nhân tạo ngay trong khuôn viên trường học và khai thác dịch vụ ngoài giờ hành chính, giải quyết bài toán thiếu hụt ngân sách nhà nước trong quy hoạch cơ sở vật chất.

Như vậy, Quyết định số 1189/QĐ-TTg không chỉ dừng lại ở các con số chỉ tiêu lý thuyết mà đóng vai trò là một “văn bản cởi trói” về mặt tư duy quản lý cho thể thao học đường tại Việt Nam. Bằng việc đưa ra các từ khóa then chốt như cá thể hóa, liên kết cơ sở thể thao và kinh tế thể thao, Chiến lược tạo áp lực và động lực buộc các cơ quan lập pháp phải khẩn trương sửa đổi Nghị định 11/2015/NĐ-CP để đồng bộ hóa mạch vận động vĩ mô này.

2.3. Quy hoạch không gian, cơ sở vật chất và bài toán xã hội hóa thể thao trường học

Nếu hành lang pháp lý và định hướng chiến lược đóng vai trò là “kim chỉ nam” thì quy hoạch hạ tầng không gian và năng lực khơi thông nguồn vốn xã hội hóa chính là bệ đỡ vật chất trực tiếp quyết định tính khả thi của mọi chính sách GDTC. Tuy nhiên, đây cũng là cấu phần đang bộc lộ những mâu thuẫn gay gắt nhất trong thực tiễn phát triển đô thị và quản trị tài sản công tại Việt Nam hiện nay.

2.3.1. Thực trạng nghịch lý giữa tốc độ đô thị hóa và tiêu chuẩn không gian thể thao học đường

Một trong những thách thức lớn nhất của hệ thống GDPT và đại học Việt Nam, đặc biệt tại các đô thị đặc biệt và đô thị loại I như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là sự thu hẹp nghiêm trọng của quỹ đất dành cho thể thao. Sự gia tăng dân số cơ học quá nhanh dẫn đến tình trạng quá tải trường lớp; ưu tiên hàng đầu của quy hoạch xây dựng học đường thường bị đẩy vào việc tối đa hóa phòng học lý thuyết thay vì không gian vận động.

Sự bất cập về tiêu chuẩn diện tích: Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng trường học, diện tích đất tối thiểu cho một học sinh phải bảo đảm từ 8 - 12m² (đối với khu vực thành thị) nhưng trên thực tế tại nhiều trường học nội đô, chỉ số này chỉ đạt từ 2-4m²/học sinh. Nhiều trường phổ thông hoàn toàn không có sân bóng đá, đường chạy hay nhà tập đa năng; học sinh phải học GDTC ngay tại sân trường bê tông hóa, điều này làm tăng nguy cơ chấn thương và giảm tính hấp dẫn của môn học.

Hệ quả của sự phân mảnh quy hoạch: Do thiếu sự đồng bộ trong quy hoạch liên ngành giữa ngành Xây dựng - Tài nguyên Môi trường với ngành Giáo dục, nhiều khu đô thị mới được phê duyệt và xây dựng đồng loạt nhưng lại “quên” hoặc cắt giảm diện tích cụm sân chơi thể thao trường học công lập, đẩy gánh nặng hạ tầng sang các cơ sở tư thục với mức học phí cao.

2.3.2. Điểm nghẽn quản trị tài sản công và bài toán huy động nguồn lực xã hội

Để giải quyết bài toán thiếu hụt ngân sách nhà nước trong đầu tư cơ sở vật chất thể thao, “Xã hội hóa” luôn là từ khóa được đề cập nhiều nhất trong các văn kiện chính sách. Nhằm phát huy các nguồn lực của xã hội cho công tác TDTT và khuyến khích phát triển các hoạt động thể thao giải trí, kinh doanh dịch vụ thể thao gắn với hoạt động văn hóa, du lịch, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 sửa đổi Nghị định 69/2008/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Lĩnh vực TDTT là một trong các nhóm ngành trọng điểm được ưu tiên áp dụng chính sách khuyến khích xã hội hóa, thể hiện qua việc quy định: “Lĩnh vực xã hội hóa bao gồm: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp” (Chính phủ, 2014). Tuy nhiên, việc chuyển hóa dòng vốn tư nhân vào học đường đang vấp phải hàng rào rủi ro pháp lý lớn liên quan đến cơ chế tự chủ tài chính và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Quốc hội, 2017).

Rào cản từ mô hình hợp tác: Theo quy định hiện hành, các đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó có trường học công lập) khi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án. Việc thẩm định các đề án này vô cùng phức tạp và kéo dài do các tiêu chí định giá giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất chưa rõ ràng.

Nghịch lý “Đóng cửa lãng phí”: Điều này dẫn đến một nghịch lý thực tế: Trong khi học sinh thiếu sân bãi tập luyện nghiêm trọng, nhiều trường học có cơ sở vật chất tương đối tốt (bể bơi, sân bóng rổ) lại buộc phải đóng cửa, ngưng hoạt động vào các khung giờ ngoài chính khóa (buổi tối, cuối tuần, kỳ nghỉ hè) vì sợ vi phạm nguyên tắc quản lý tài sản công nếu tổ chức kinh doanh dịch vụ hoặc liên kết với các trung tâm thể thao bên ngoài. Sự đứt gãy này khiến dòng vốn tư nhân muốn đổ vào đầu tư, vận hành và bảo trì trang thiết bị thể thao trường học bị chặn đứng ngay từ cơ chế đầu vào.

2.3.3. Đề xuất mô hình xã hội hóa thực nghiệm dựa trên chuỗi giá trị liên kết (Mô hình PPP thu nhỏ)

Để khơi thông nguồn lực, bài báo đề xuất một mô hình quy hoạch phối hợp mới có tên gọi: “Mô hình PPP chia sẻ không gian và thời gian” dựa trên cấu trúc vận hành liên ngành.

Cơ chế vận hành: Nhà nước (Thông qua UBND cấp tỉnh/thành phố) đứng ra bảo lãnh quy hoạch quỹ đất “đóng đinh” cho thể thao học đường. Do nghiệp tư nhân bỏ 100% vốn đầu tư xây dựng các công trình thể thao tiêu chuẩn cao (Nhà tập đa năng, bể bơi thông minh).

Phân chia lợi ích và thời gian: Trong giờ hành chính, nhà trường có toàn quyền sử dụng miễn phí hạ tầng này phục vụ GDTC chính khóa và các giải đấu nội bộ dưới sự quản lý chuyên môn của giáo viên. Ngoài giờ hành chính, doanh nghiệp được quyền khai thác dịch vụ thương mại mở (dạy bơi, tổ chức giải đấu cộng đồng, cho thuê sân tập) dưới sự giám sát an ninh của nhà trường để thu hồi vốn và chịu trách nhiệm bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất.

Mô hình này tối ưu hóa công suất sử dụng của đất đai, giảm áp lực 100% lên ngân sách công, đồng thời tạo ra một hệ sinh thái thể thao học đường hiện đại, tiệm cận với tiêu chuẩn của các quốc gia phát triển trong khu vực.

2.4. Một số giải pháp đồng bộ mang tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học tại Việt Nam trong giai đoạn tới.

Từ những phân tích về thực trạng hành lang pháp lý, định hướng chiến lược vĩ mô của Chính phủ tại Quyết định số 1189/QĐ-TTg và bài toán quy hoạch hạ tầng trường học, tác giả đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ mang tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng GDTC và TTTH tại Việt Nam trong giai đoạn tới.

2.4.1. Hoàn thiện hành lang pháp lý và cơ chế chính sách liên ngành

Để xóa bỏ sự bất cập giữa các quy định cũ và yêu cầu phát triển năng lực của Chương trình GDPT 2018, cơ quan quản lý cần ưu tiên thực hiện các bước sau:

Sửa đổi, nâng cấp Nghị định số 11/2015/NĐ-CP: Bộ GD&ĐT phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khẩn trương trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định 11/2015/NĐ-CP. Văn bản mới cần luật hóa cơ chế công nhận tương đương, cho phép học sinh được quy đổi kết quả tập luyện xuất sắc tại các CLB thể thao chuyên nghiệp hoặc giải thi đấu quốc gia thành điểm đánh giá môn học GDTC chính khóa.

Ban hành Thông tư hướng dẫn riêng về quản lý tài sản công trong trường học: Bộ Tài chính cần phối hợp ban hành hướng dẫn đặc thù cho ngành Giáo dục, đơn giản hóa quy trình thẩm định Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết. Cần quy định rõ danh mục các hoạt động dịch vụ thể thao học đường (như dạy bơi, cho thuê sân bóng ngoài giờ) được miễn giảm thủ tục phức tạp, tạo hành lang an toàn pháp lý cho người đứng đầu nhà trường chủ động khai thác cơ sở vật chất.

2.4.2. Thực thi chiến lược và ứng dụng công nghệ số

Nhằm hiện thực hóa chỉ tiêu trên 90% học sinh đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể đến năm 2030 theo Quyết định số 1189/QĐ-TTg cần thay đổi phương thức quản trị truyền thống sang quản trị số:

Xây dựng Hệ thống dữ liệu lớn về Thể trạng học đường: Số hóa toàn bộ quy trình kiểm tra, đánh giá thể lực học sinh, sinh viên trên cả nước. Xây dựng một ứng dụng hoặc phân hệ dữ liệu dùng chung giữa ngành Giáo dục và Y tế để theo dõi liên tục chỉ số BMI, năng lực vận động của từng học sinh, từ đó tự động đưa ra khuyến nghị chế độ dinh dưỡng và bài tập phù hợp.

Vận hành chuỗi liên thông phát hiện tài năng: Chuẩn hóa hệ thống giải thi đấu thể thao học đường

(Hội khỏe Phù Đổng, các giải vô địch học sinh, sinh viên toàn quốc) theo hướng chuyên nghiệp hóa về trọng tài, ghi nhận thành tích. Thành lập các “Hội đồng tuyển trạch liên ngành” tại các giải đấu này để ký kết hợp đồng chuyển giao thẳng học sinh năng khiếu sang các tuyến đào tạo vận động viên trẻ chuyên nghiệp của địa phương và quốc gia.

2.4.3. Quy hoạch không gian và đột phá xã hội hóa

Giải quyết tận gốc bài toán thiếu hụt sân bãi và nguồn lực đầu tư thông qua các chính sách kinh tế thể thao:

“Đóng đinh” quy hoạch quỹ đất GDTC: Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các địa phương khi phê duyệt quy hoạch các khu đô thị mới bắt buộc phải dành diện tích đất xây dựng trường học đạt chuẩn tối thiểu 10 - 12m²/học sinh, trong đó cam kết tỉ lệ đất dành riêng cho sân chơi, bãi tập thể thao chính khóa không dưới 30% tổng diện tích đất trường học. Cương quyết không cấp phép hoặc nghiệm thu các dự án đô thị nếu cắt giảm hạng mục này.

Thí điểm “Mô hình PPP chia sẻ không gian và thời gian”: Khuyến khích các địa phương ban hành nghị quyết thí điểm giao đất sạch trong khuôn viên trường học công lập cho doanh nghiệp đầu tư các công trình thể thao lắp ghép thông minh (bể bơi di động, nhà bạt đa năng) theo hình thức đối tác công tư. Áp dụng chính sách miễn 100% thuế sử dụng đất và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản lợi nhuận tái đầu tư vào hạ tầng thể thao trường học.

3. Kết luận

Nghiên cứu GDTC và TTTH tại Việt Nam dưới góc độ quản lý vĩ mô cho thấy hoạt động này không thể vận hành hiệu quả nếu thiếu đi sự gắn kết hữu cơ giữa ba công cụ then chốt: Hành lang pháp lý, Định hướng chiến lược và Quy hoạch nguồn lực. Sự phối hợp đồng bộ giữa Luật Giáo dục, Luật Thể dục, thể thao cùng Nghị định số 11/2015/NĐ-CP thời gian qua đã tạo dựng nền móng pháp lý quan trọng, giữ vững sự ổn định của môn học chính khóa và thúc đẩy phong trào ngoại khóa. Đặc biệt, sự ra đời của Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1189/QĐ-TTg đã mang lại một tư duy quản trị mới mang tính đột phá, cởi trói định hướng từ áp đặt số lượng sang tối ưu hóa chất lượng trải nghiệm và phát triển kinh tế thể thao học đường. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra những khoảng cách đáng kể giữa mục tiêu vĩ mô và năng lực thực thi tại cơ sở. Những điểm nghẽn về việc chậm cập nhật văn bản pháp quy nhằm tương thích với Chương trình GDPT 2018, rào cản từ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công khiến nhà trường lúng túng trong tự chủ cùng nghịch lý thiếu hụt quỹ đất sân bãi tại các đô thị lớn đang là những lực cản trực tiếp đối với sự phát triển thể lực của thế hệ trẻ (Quốc hội, 2017). Vì vậy, để giải quyết triệt để các thách thức này, bài báo đã đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ: từ việc nâng cấp khung pháp lý liên ngành, số hóa dữ liệu thể trạng quốc gia, cho đến việc thí điểm “Mô hình PPP chia sẻ không gian và thời gian” trong khai thác cơ sở vật chất học đường. Việc khẩn trương hiện thực hóa các giải pháp này không chỉ tháo gỡ khó khăn về mặt hạ tầng cho các nhà trường mà còn là chìa khóa chiến lược để hiện thực hóa tầm nhìn của Chính phủ, góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực và chất lượng nguồn nhân lực quốc gia bền vững ngay từ ghế nhà trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2014). *Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.*
- Chính phủ (2015). *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.*
- Quốc hội (2017). *Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.* Luật số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017.
- Quốc hội (2018). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.* Luật số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục.* Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.
- Quốc hội (2025). *Luật Giáo dục đại học.* Luật số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
- Thủ tướng Chính phủ (2024). *Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 Phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*